

ĐỌC MỘT SỐ HƯƠNG ƯỚC XỨ THANH

VŨ NGỌC KHÁNH

Nói là một số, vì sự thực chúng ta không có đủ hương ước của tất cả xã thôn trong toàn tỉnh Thanh Hoá. Không rõ hiện nay tại các Bảo tàng và thư viện ở Thanh Hoá, thu thập được bao nhiêu, chứ tại các viện khoa học ở Hà Nội chưa có nhiều lắm. Cùng với những tư liệu của cá nhân và của các bạn bè, kết hợp với số liệu ở các kho lưu trữ, tôi chỉ mới được đọc gần năm mươi bản hương ước của tỉnh Thanh mà thôi. Dù sao thì bước đi ban đầu này cũng nên được thông tin để mở rộng đường dư luận. Kho tàng hương ước của các tỉnh thuộc Bắc Bộ có phân đôi dào hơn, chứ ở miền Trung bị thất lạc, tản mát nhiều lắm. Chúng tôi chỉ mới có khả năng công bố các tập hương ước Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi⁽¹⁾. Những tỉnh khác, số lượng sưu tầm càng ít, có lẽ muốn giới thiệu, phải tập hợp chung nhiều địa phương lại, thì mới thành sách được.

Những hương ước Thanh Hoá hiện có, không thấy tập nào đề niên hiệu thuộc thế kỷ thứ 17. Chỉ có một bản của thế kỷ 18 là hương ước làng Đông Mỗ, tổng Đông Lý, huyện Yên Định, đề niên hiệu Cảnh Hưng thứ 36 (tức là năm 1775). Có mười bản của thế kỷ 19, theo thứ tự là:

Xã Bồng Trung, Vĩnh Lộc (1833).

Xã Đồi Phục, tổng Cổ Định, Nông Cống (1836).

Thôn Đông Đoài, tổng Thượng Cốc, Thọ Xuân (1864)

Xã Tập Cát (tên huyện mờ không đọc được - 1865)

Thôn Đông Lương, tổng Vạn Thiên, Nông Cống (1868)

Thôn Nam, xã Bình Hoà, Tống Sơn (tức Hà Trung 1868)

Thôn Cẩm Trướng, tổng Hải Quạt, Yên Định (1877)

Thôn Xa Lý, xã Ngọc Xá, tổng Vạn Thiên, Nông Cống (1896)

Làng Hoàng, xã Cổ Mộc, tổng Lại Triều, Nông Cống (1898).⁽²⁾

Còn nữa là những hương ước ghi niên hiệu thế kỷ 20. Bản sớm đề năm 1901 là của xã Phi Bình, tổng Hồ Nam (Vĩnh Lộc). Bản có niên hiệu gần với ta nhất là năm 1942, của các xã Như Áng (Tuần La, Ngọc Sơn), Phương Giai (Vĩnh Lộc), Diên Hi (Yên Định),... còn nhiều nữa. Những hương ước thuộc các năm từ thập kỷ 20 đến thập

⁽¹⁾ Chúng tôi đã chỉ đạo sưu tầm và đã cho xuất bản:

- Hương ước Hà Tĩnh (Hà Tĩnh, 1996)

- Hương ước Quảng Ngãi (Quảng Ngãi, 1996)

- Hương ước Nghệ An (NXB CTQG, 1977. Bản này do giáo sư Ninh Viết Giao giới thiệu).

⁽²⁾ Tất cả các tên thôn, xã trong các hương ước, xin để theo nguyên văn. Tôi không có điều kiện đối chiếu với các tên mới. Mong bạn đọc giúp cho.

kỷ 40, đều có lời mở đầu cho biết: làng xã trước đây đã có khoán ước, hương ước, nhưng bị mất mát, nay dân chúng nhớ lại, kết hợp với tình hình mới để thành văn bản, chứ không phải là sản phẩm mới hoàn toàn. Ta đã biết, dưới triều Khải Định, chính quyền Pháp và triều Nguyễn có ra lệnh phải làm hương ước cải lương (bản hương ước xã Nguyệt Viên- Hoàng Hoá 1934, nói rõ là có tuân theo "Văn súc Khải Định hương ước"). Do đó mà nhiều hương ước đều ghi niên hiệu những năm ba mươi, bốn mươi không có gì là lạ. Niên hiệu tuy mới, nhưng vẫn dựa vào hương ước cũ (như tình hình hương ước hiện nay ở nhiều tỉnh trong cả nước). Chỉ tiếc rằng, các văn bản chỉ nói qua, chứ không ghi cụ thể các hương ước cũ làm từ bao giờ và việc y sao hay soạn lại được tiến hành ra sao. Duy có một hiện tượng đáng chú ý. So sánh:

- Hương ước làng Thanh Bôi, tổng La Miệt, Nông Cống, đề niên hiệu Bảo Đại thứ 13 là năm 1938, ghi rõ ràng là năm sao lại.

- Và hương ước làng Quần Trúc, tổng Đông Xá, cũng thuộc huyện Nông Cống, nhưng không ghi năm tháng.

Chúng ta thấy rõ hai bản này hoàn toàn giống nhau. Tất cả đều có 81 điều khoản, cách sắp xếp chương mục như nhau, thậm chí từng câu, từng chữ giống nhau, không sai một điểm nhỏ nào.

Rồi đến làng Bát Sơn, huyện Tống Sơn, (Hà Trung) cũng đề năm 1938, nhiều mục, nhiều câu tương tự, song rút xuống chỉ còn 43 điều khoản. Xã Đồng Minh (tổng Bình Bút, Vĩnh Lộc), hương ước đề năm 1938, hoàn toàn khác hẳn, không có cấu trúc và ngôn từ như các bản trên. Có thể nghĩ rằng các làng Thanh Bôi, Quần Trúc đã chép lại một cái mẫu nhất định do trên gửi về⁽¹⁾. Làng Bát Sơn theo mẫu mà có sửa chữa. Còn làng Đồng Minh thì theo văn bản cũ, chứ không theo mẫu của nhà nước. Sẽ phải làm một cuộc khảo nghiệm cho vấn đề này.

Còn một vấn đề nữa cũng nên ghi nhận. Trong các bản hương ước hiện tôi có trong tay, tôi thấy ghi rõ ràng:

- Hương ước xã (như xã A- Đò - Yên Định)

- Hương ước thôn (như thôn Đồng Lương, xã Thanh Bạ, Nông Cống)

- Hương ước thôn (không thấy ghi thuộc xã nào như thôn Phương Giai, tổng Cao Mật, Vĩnh Lộc).

- Khoán ước Điểm Tròn (tạm gọi là làng Tròn, không thấy ghi tên chữ Hán. Trong văn bản ghi rõ là lập hương lệ khoán ước cho điểm Tròn, ở xã Vạn Duệ, tổng Mộng Sơn, huyện Cẩm Thủy).

- Xã Du Độ, tổng Tuần La, huyện Ngọc Sơn (Tĩnh Gia) không thấy ghi hương ước, mà lại gọi là hương lệ. Bản này thấy ghi niên hiệu là Bảo Đại năm thứ bảy (1931).

- Có một bản thấy gọi là điều ước (không gọi là hương ước hay hương lệ). Thực ra đây là một bản tộc ước thì đúng hơn. Văn bản ghi rõ là "Đồng tộc, tộc Đại Ân, xã Đồi Phục, tổng Cổ Định, phủ Nông Cống lập điều ước". Trong nội dung điều ước, có ghi trách nhiệm những sĩ tử trong bản tộc, nói rõ là tộc này có 4 chi, người đứng đầu gọi

⁽¹⁾ Khi viết về Hương ước Nghệ Tĩnh, tôi cũng đã có nhận xét tương tự về hai làng Trung Hà và Thượng Thạch ở huyện Hương Khê. Văn bản năm 1931 (sách Hương ước Hà Tĩnh, tr.25)

là chi trưởng. Có ghi cả những việc săn sóc các xứ sở mộ tổ. Nhưng một số danh hiệu các chức vị thì lại trùng với tình hình hương ước chung. Thí dụ có nói đến những lý trưởng, hương lão, trùm thú, v.v. liên quan với bản tộc (chứ không phải là người trong họ ra làm việc xã). Các quy ước đều giống như quy ước cho một làng.

Như vậy là ở đây: ta có hương ước, thôn ước, khoán ước và cả tộc ước nữa. Hiện nay chúng tôi chưa có điều kiện để khảo sát và phân tích cho rành mạch, xin để giành khi có điều kiện thích hợp hơn. Nhưng có lẽ ở đây ta có thể thấy thêm được vấn đề văn hoá làng, văn hoá dòng họ, đang là điều mà giới nghiên cứu phải quan tâm chăng ?

Những bản hương ước đã được nghiên cứu có bản ghi thành điều khoản, đánh số 1, 2, 3 cho đến hết. Nhưng cũng có nhiều bản cứ viết theo từng hàng liệt kê nối tiếp mà không đánh số. Dưới đây khi dẫn chứng, chúng tôi cũng tôn trọng đúng tình hình nguyên bản.

Cũng như tất cả các bản hương ước chúng ta được đọc, phần lớn các hương ước Thanh Hoá đều có phần lý luận. Bản của làng Đông Mỗ (Yên Định) từ đời Cảnh Hưng (1775) chỉ ghi rất gọn.

"Tùng nghe, nước có chính lệ, dân có tư ước. Các đời thi hành nghiêm lệ thì mọi nơi đều được yên vui... Tất cả mọi người phải đồng lòng góp ý, để dung hoà tư ước thuận lòng với dân..."

Có nhiều bản hương ước nêu được những ý kiến rất đáng chú ý. Hương ước xã A - Đô (Đan Nê, Yên Định 1908) giành đến 4 trang để phân tích lý luận của hương ước. Hương ước là phải theo thời, thời nào sẽ cần hương ước thích hợp: "Người giỏi nắm thời, tất vì thực thi, tiếp nối nhau giữ gìn, thời hành động mới mong hợp nghĩa, mà nhân dân không đến nỗi phải lưu ly. Người giỏi xem xét thế, ắt tùy thế mà xử trí, không làm trái, không bê trễ, thì trong công việc ắt giúp đỡ nhau, mà công việc chung không đến nỗi phải lo ngại". Vì vậy "thế là làm sao gạt bỏ cái cũ để làm nên cái thế mới"... Từ lý luận có tính cách triết học như vậy, hương ước vạch rõ cái mục đích là: Không ngoài việc làm cho phong tục đầy đặn, phong tục một khi đầy đặn thì nhân dân hoà hợp thì tấm lòng phụng công vững như vàng đá. Hợp lời tín ước thì như dân đặt đường đi cho bốn mùa...

Hương ước xã Quỳnh Trung (tổng Mục Sơn, Thọ Xuân 1916) có lời lý luận rất giàu hình ảnh, mà cũng có ý vị triết học: "(Lập hương ước) là để có quy phạm, duy trì được đầu mối... tiếp nối đến nghìn năm mà vẫn coi như một ngày, mà trong thôn ố, tục được thuần, phong được mỹ. Mặt trời mọc lên rừng rục. Ôi! Hoa quỳ vệ đủ dài để đam mê hướng về phía mặt trời mọc, trung hậu còn tồn tại trong tâm thì niềm vui đó, gọi là điều nhân vậy. Tất cả mọi việc nhất nhất kê sau đây: dân là dân vạn đời, ước cũng là khoán ước vạn đời".

Hương ước làng Nỗ Giáp (tổng Vân Trai, huyện Ngọc Sơn - tức Tĩnh Gia 1917) cũng nêu lý luận, nhưng có phần thiết thực hơn:

..."Nhiều họ tụ tập thì thành làng, nhiều làng tụ tập thì thành nước. Đoàn thể các tộc họ là phần tử của quốc gia, mà cha anh là cơ sở của tông tộc. Làng xóm là từ tông tộc mà ra. Quốc gia thiên hạ là do làng xóm mà có. Những cái đó, đối với dân quần có quan hệ rất là mật thiết.

Tộc có tộc phải, nước có pháp luật, làng cũng phải có hương ước. Như vậy là để chính sự được sáng sủa, tục lệ thêm tốt đẹp, nghèo đói giảm bớt, của cải chất chồng. Khiến cho xã hội xây đắp được vũ đài, nhân quần kết tạo được tổ ấm. Phàm xã hội văn minh không ở đâu, không như vậy".

Cách thức biên soạn hương ước cũng được nói rõ. Vẫn theo bản Nỗ Giáp, thì dân làng này nhận thấy rằng:

... "Nếu chúng ta đều nín hơi, không chịu chủ tâm mà cứ ngồi nhìn một cách không hiểu biết, chẳng chút chỉnh đốn thì rồi chẳng bao lâu sẽ phải ân hận, giáp ta sẽ để tiếng cười cho hậu thế. Chính vì vậy mới cùng nhau cử ra những người sáng suốt, tự soạn thuật trước, phàm những điều đã có thì nhân đó mà sửa sang, những điều chưa có thì nên thêm ra. Kê mục, chia điều, thảo xong đem ra đình họp dân toàn giáp lại để bình luận, rồi cùng chọn thư sinh viết ra giấy, liên danh ký tên điểm chỉ, để truyền lại mãi mãi về sau".

Có lẽ không phải bình luận gì thêm về quan điểm như thế nữa.

Nhìn chung, các bản hương ước (cả nước) tuy cách sắp xếp, đề cập đến những nội dung xuất nhập, nhưng đều tập trung vào một số vấn đề nhất định. Hương ước Thanh Hoá cũng vậy, ta thấy nổi rõ lên những chủ điểm như sau:

1. Đảm bảo việc tế tự, cúng lễ trong làng và xác định rõ ràng tôn ti trật tự.

Trong các bản hương ước, vấn đề tế tự bao giờ cũng được đặt lên hàng đầu. Điều này là bình thường trong các xã hội xưa. Người dân có niềm tin tưởng vào những thần linh xa lạ, gửi gắm những ước mơ, nguyện vọng thành kính... để đảm bảo cuộc sống tâm linh. Điều ấy là chính đáng, nên thông cảm. Những điều khoản hương ước trong phạm vi này, ngày nay chúng ta không bắt chước nữa, nhưng cũng không nên chê trách mà hãy "kính nhi viễn chi". Hương ước Thanh Hoá chỉ liệt kê một số lễ hàng năm (dưới đây sẽ nói) chứ không thấy ghi hiệu hay tên một vị thần linh nào cả (kể cả tên các thành hoàng, các vị tôn thần cũng không thấy). Phần lớn, người ta chú ý đến việc phân chia cỗ bàn: để phân ai những miếng thủ, miếng nong, miếng lòng,... Những điều ấy bây giờ đọc lại, ta thấy buồn cười, nhưng có lẽ cũng nên thông cảm việc chia phần chỉ là để cụ thể hoá sự tôn ti trật tự và lòng quý trọng mà thôi. Người cao tuổi nhất hoặc có chức vị cao nhất được chia phần thủ, song có phải cái thủ là ngon nhất đâu. Và nếu trong xã có nhiều ông ngang chức vị, thì mỗi ông cũng chỉ được một lát mỏng, chứ có bõ bèn gì. Ấy vậy mà không có không được. Không có cái phần ấy, là cái vị của ông đã bị quên đi hay bị gạt bỏ, ít nhiều lại là điều xúc phạm. Một miếng thịt làng bằng một sàng xó bếp, chính là như thế.

Việc chia cỗ phân biếu, việc sắp xếp chỗ ngồi làm việc hoặc dự cuộc ca xướng, thường thấy rõ trật tự các thành viên trong ngôi thứ hoặc trong các tầng lớp dân chúng. Các bản hương ước đều cho thấy rõ mỗi làng thường có những quan viên, hương chức, lão niên, học trò, dân thường, v.v. .. Các làng ở Thanh Hoá cũng vậy. Song có đôi danh hiệu sẽ phải đòi hỏi ta tìm hiểu kỹ hơn. Thí dụ bản khoán ước thôn Đông Lương (xã Thanh Bạ, tổng Vạn Thiện, huyện Nông Cống 1868) cho hay làng này có các bậc thượng lão, chức sắc, quan viên tư văn, chia ngôi theo mâm, từ bàn 1 cho đến bàn 4. Có những chức vị như thủ từ (có phải là giữ đèn chùa ?), kể ngay với lý trưởng, xã trưởng (không rõ ai cao hơn ai) và lại ở trên bậc lãnh binh (?). Lãnh binh không phải là chức vụ

của các ông Đề, ông Bang ngày xưa, mà có thể đã làm ngũ trường, đội trưởng, rồi trở về làm dân, vẫn ở phía dưới thủ từ. Lại có cả tầng lớp được gọi là sĩ nhân (có thể đi thi trúng tam trường, tứ trường) cũng vẫn ở dưới bậc thủ từ. Thủ từ hình như là vai trò quan trọng, không phải là người lo việc đèn nhang. Vì trong thôn, đã có hai người thủ hộ trông nom quét dọn hai miếu đền thần, theo hạn là 4 năm, thì cử người khác. Thủ hộ khi hết hạn được xếp ngôi lên bàn hai. Dưới bậc thủ hộ lại có hai người làm cán biện, đơn đốc việc công sưu tạp dịch, truyền phái đình phu. Làm mãn hạn được xếp theo những người ở bàn ba. Cuối cùng còn có lớp được gọi là dưng dân, bình đình, ra làm việc hạn là 15 năm, hết hạn được theo phân sưu của bàn thứ tư, v.v. Đọc nhiều bản hương ước, không thấy có trường hợp phân cấp như thôn Đồng Lương này. Đây là trường hợp đặc biệt hay có thể có nhiều làng tương tự để giúp ta hiểu hơn về mặt tổ chức xã hội của làng, mà lâu nay chưa mấy người để ý.

2. Vấn đề bảo vệ nông nghiệp, ruộng đồng, đóng góp với làng xóm.

Nước ta là một nước nông nghiệp, việc bảo vệ mùa màng, chăm sóc ruộng đồng là vấn đề quan tâm hàng đầu của nhân dân. Hương ước Thanh Hoá nói đến điều này, cũng không có gì khác. Nước, phân, cần, giống, bốn điều ấy đều phải ưu tiên. Hương ước xã Cẩm Trướng (Yên Định 1877) đặt vấn đề giữ nước trong ruộng. Hương ước làng Mỹ Xuyên (Vĩnh Lộc 1933) phạt nặng những ai tháo nước bất cá. Hương ước làng Phương Giai (Vĩnh Lộc- 1942) đề cao việc bảo vệ đường sá, cầu cống, cũng như hương ước làng An Tôn hạ (Vĩnh Lộc - 1931) nghiêm cấm việc chăn thả trâu bò bừa bãi. Làng còn lưu ý đến việc bảo vệ những cây tre, những búp măng (điều 49), như cách hiểu của chúng ta bây giờ là tỏ ra có ý thức bảo vệ môi trường. Làng Phi Bình cũng ở huyện Vĩnh Lộc (năm 1901) có điều khoản cụ thể: "Bờ ruộng phải rộng một thước, cao 5 tấc, các con đường lớn nhỏ trên ruộng. Ai phá bờ lấn đất bị phạt 3 quan, không chước giảm". Đặc biệt làng Nổ Giáp (Vân Trai, Tĩnh Gia, hương ước năm 1917) có một câu, ai nghe cùng phải giật mình: "Kẻ nào bán trộm ruộng vườn thì thật là người không cha".

Tỉnh Thanh Hoá có cả vùng núi, đồng bằng và miền biển. Những người dân vùng biển cũng phải có trách nhiệm với làng. Hương ước xã Du Độ (Tĩnh Gia- 1932) điều 35 quy định các thuyền buôn ra Bắc, mỗi chuyến đi nộp cho làng 3 đồng nếu là thuyền to, 1đ50 nếu là thuyền nhỏ. Buôn bán trong tỉnh, trong hạt thì phải nộp 6 hào. Hương ước xã Như Áng (Tĩnh Gia 1942) lại quy định rạch ròi sự hưởng thụ và đóng góp: "Bản xã có nghề đánh cá thuyền, chủ nghề mỗi chiếc thuyền 16 phần, bản xã 2 phần, viên binh 1 phần... Chủ thuyền là 3 phần, chà củi (không rõ nghề gì) là 1 phần. Hai nhà liên kết với nhau thì chủ nghề 2 phần, chà củi 1 phần, không được tranh giành". Đưa vào hương ước các điều khoản này là khá chu đáo.

3. Vấn đề khuyến khích học tập:

Hương ước các làng đều có những khoản tỏ ra rất trân trọng và khích sự học. Các Hương ước ở Thanh Hoá cũng rất dồi dào những điều khoản này:

- Quyền lợi của những người đỗ đạt, như chúng ta biết, những người đỗ tiến sĩ, cử nhân, tú tài, v.v... đều được quý trọng, được tổ chức rước đón, được chia phần cỗ bàn v.v.. Điều ấy thì làng nào cũng nói và có những nét tương tự như nhau. Nhưng hương ước thôn Đồng Lương (Vạn Thiên, Nông Cống 1868) quy định đến cả những người trúng tam trường, nhị trường. Thí dụ trúng tam trường vẫn được "thôn xã đi đón, mừng

một miếng thịt lợn, một mâm xôi và trầu rượu trị giá ba quan". Trúng tứ trường được đón với nghi vệ cao hơn, và làm "lễ mừng với trị giá 5,6 quan để chấn hưng văn phong". Đặc biệt xã Bông Trung (Vĩnh Lộc, hương ước- 1833), "Những người đỗ tiến sĩ, xã phải tổ chức lễ mừng và phải đến tận nhà thờ để yết gia tiên của ông nghề trước". Thật là một vinh dự đặc biệt. - Để khuyến khích việc học, một số hương ước Thanh Hoá có quy định việc trợ cấp hản hoi. Hương ước xã Mỹ Phong (Lai Triều, Nông Cống -1901) ghi là:

"Người trong xã tình nguyện xin đi học, được bản xã cấp tiền mua giấy bút, mỗi năm 3 quan. Nếu giả danh đi học, thay bằng người khác thì sẽ bị phạt 6 quan, thu tiền tăng gấp đôi".

Còn xã An Tôn hạ (Cao Mật, Vĩnh Lộc, 1931) điều 36 lại ghi:

"Con em trong xã, người nào tình nguyện theo học, trừ con nhà giàu ra, còn con nhà nghèo không có ruộng riêng từ một sào trở xuống, có thể theo học trường công, mỗi năm dân xã cấp cho tiền giấy bút một đồng hai hào để khuyến khích học tập tiến bộ".

Hương ước thôn Bát (Bình Bút, Vĩnh Lộc, 1938) điều 57 lại ghi một câu, cũng khá đặc biệt với chế độ giáo dục ở các làng dưới thời Pháp thuộc: "Tư gia được phép mở trường tư". Làng Nhân Vực (Lỗ Hương, Hoàng Hoá, 1933) lại ghi một điều khoản: "Trong làng, nhà nghèo mà học giỏi hay công nghệ giỏi có thể làm gương cho đời sau thì được thưởng. Có hai cách thưởng: thưởng cho người học giỏi tiền bút giấy hàng năm 4 đồng, thưởng cho người giỏi nghề 10 đồng.

4. Tinh thần trọng lão

Tinh thần trọng lão được quán triệt ở tất cả hương ước, làng nào cũng thấy ghi. Sắp xếp chỗ ngồi trong đình, các cụ đều được ngồi gian giữa, những cụ 90 tuổi một mình một cỗ, các vị 80 tuổi, hai người một cỗ (xã Cẩm Trướng 1877). Xã Như Áng, cũng quy định như vậy, nhưng lại dùng chữ *biệt cử* để chỉ chế độ giành cho các cụ. Hương ước xã này ghi năm 1942, nhưng có nói là đã có khoán lệ từ năm 1825 (Minh Mệnh thứ 5). Khoán lệ có ghi nguyên tắc " thượng thọ vi niên", và giải thích *biệt cử* là 80 tuổi. Hương ước xã Phương Giai, để hản một khoản là " trọng niên lão", chia ruộng cho các cụ. Người từ 61 tuổi, được nhận 2 sào, gọi là ruộng "kính biểu lão nhiều".

Các vị hương lão được trân trọng như thế, nhưng không phải là hoàn toàn ưu tiên. Không thể lấy có là già cả rồi muốn làm gì cũng được. Hương ước Thanh Hoá đã có bản lưu tâm đến vấn đề này. Xã Diên Nội (Lai Triều, Nông Cống 1865) có ghi một câu: " già lão mà xuất đất, và lấn chiếm đất, đánh bạc, phạt tiền một quan". Như vậy, cũng là có phép tắc nghiêm minh rõ rệt.

Cùng với vấn đề trọng lão này, người ta cũng rất quan tâm đến việc đối xử với ông bà, cha mẹ. Hương ước xã Phi Bình (1901, điều 5) ghi rất rõ, các gia đình ngũ đại đồng đường, tứ đại đồng đường, đều được làng xóm đến mừng, còn những con cháu nào mà bất hiếu, bất lễ thì đều phải phạt. Hình thức kỷ luật nặng nhất cho những người này là bị truất thứ vị trong làng: truất xuống ba bàn, xem ngang với những kẻ có tội trộm cướp.

5. Về các hình phạt

Lệ làng bao giờ cũng có nhiều hình phạt, hương ước Thanh Hoá tất nhiên cũng có nhiều điều khoản như vậy. Những khuyết điểm như đánh bạc, ăn trộm, say rượu, thiếu tôn kính các bậc già cả, các nhà chức trách, lấn chiếm ruộng vườn, gây mất trật tự v.v..., đều bị phạt tiền, từ một quan đến năm, sáu quan. Những người tuân phu canh phòng trể nải để cho hoa lợi các ruộng nương bị thiệt thòi thì phải đền bù cho các chủ ruộng v.v... Đối với phụ nữ có phần nặng nề hơn. Hương ước thôn Hữu Lễ (Thọ Xuân 1906) điều 14 quy định: "Vợ chồng bất hoà mà chuyện là do đàn bà gây ra thì trói vào một đoạn gậy ngắn, đặt ở ngã ba đường một ngày, để trừ bỏ thói ngang ngược". Còn xã Mỹ Phong (Lai Triều, Nông Cống 1901): "Người phụ nữ phạm tội giam dâm bị phạt 12 quan tiền, trói giải đi bêu các ngõ, đánh mười roi. Không được cùng ngồi, cùng đi, cùng trò chuyện với người khác. Lại phạt thêm người nhà 3 quan tiền..." "Nhưng nếu thông dâm với người ngoại tông bị phạt 12 quan, đánh 30 roi; thông dâm với người nội tộc, bị phạt 30 quan tiền, đánh 30 roi, không cho nhập họ nữa. Còn con trai trong họ mà quan hệ với con gái trong làng có người phát giác thì bị phạt 6 quan tiền". Rõ ràng là không công bằng và có phần nghiệt ngã.

Đại khái đấy là những điều khoản ở một số hương ước Thanh Hoá, cũng có phần gần gũi với các hương ước chung. Song chúng ta còn có thể nhận ra thêm một vài chi tiết khác, tuy không hoàn toàn độc đáo nhưng cũng có thể góp thêm nhiều thông tin cho việc nghiên cứu khoa học (hoặc củng cố thêm những điều đã biết, hoặc lưu ý đến một số tình hình riêng). Có thể kể sơ qua:

1. Bản hương ước xã Diên Hi (Yên Định- 1942) cho chúng ta một cái lịch về các lễ tiết trong một năm tại một làng. Hình như khá nhiều sách của chúng ta gần đây bàn chuyện tế lễ xã thôn, chưa đầy đủ được như thế. Xin kê ra đây để cùng tham khảo. Trong làng có các ngày lễ như sau:

- Tháng giêng: ngày 12: lễ "hạ nhật sự thân"

cùng ngày: giỗ tiên hiền

ngày 15: lễ Thượng nguyên

ngày 19: lễ Hiến gỏi.

- Tháng 2: tế xuân

- Tháng 3: lễ kỳ phúc

- Tháng 4: lễ kỳ yên

- Tháng 5: lễ kỷ niệm (có lẽ là Hưng quốc khánh niệm,

Gia Long lên ngôi 2-5 Nhâm Tuất)

lễ đoan ngo

lễ hạ điền

- Tháng 6: ngày 20: lễ "hoá nhật âm vị"

- Tháng 7: lễ thượng điền

- Tháng 8: lễ kỳ hoà

- Tháng 9: không có

đình trung tham gia. Ai bỏ vắng, phạt mỗi người hai mạch. Tiên nộp cheo, làng Nguyệt Viên (Hoàng Hoá, 1934) lại gọi là tiên mãi lộ, và định rõ giá thú trong xã phải nộp từ một đồng, ba đồng đến năm đồng. Người xã khác đến cầu hôn thì thu gấp đôi. Làng Nhân Vực (Hoàng Hoá, 1933) thì ghi rõ: tiền nạp lễ giai lan: nhà giàu nạp 200 viên gạch, nhà nghèo 100 viên, rượu một chai, trâu cau 100 miếng, v.v..

4. Làng miền núi và làng công giáo.

Xã Phấn Sơn, tức là Điểm Vọng ta vừa nói trên đây ở huyện Cẩm Thủy, là một làng miền núi. Hương ước nói rõ ràng: "Dân điểm từ trước đến nay chiếu theo mạn tục". Nhưng nội dung văn bản lại không thấy nói gì đến mừng bản, đến các lang đạo, v.v., mà lại được thể hiện đúng như một làng vùng xuôi. Chỉ có việc ủng hộ làm nhà, cấp tranh giống với điểm Tròn ở làng Vân Duê. Người cầm đầu điểm, được gọi là Trùm Hoá. Duy có một chi tiết đáng chú ý là điều lệ 18, có câu: "Lệ định kẻ nào bất hiếu, bất mục, khinh mạn Thân Hồ... thì định phạt tiền 15 quan. Vậy, ở điểm (thôn) này, có tục thờ Thân Hồ chăng?

Khi tìm hiểu hương ước tỉnh Hà Tĩnh (sách đã dẫn) tôi có chú ý một điều là kho tàng hương ước ở đây có một bản của phường Giang Phái là dân công gia thôn Vân Tản, huyện Cẩm Xuyên (trang 170). ở Thanh Hoá, cũng phát hiện được một thôn là thôn Hữu Lễ, xã Mục Sơn, huyện Thọ Xuân (1906), thật là tài liệu quý. Hương ước này, đề năm Thành Thái thứ 18 (1906), ghi rõ ràng trong điều 1: "thôn ta là thôn đạo giáo toàn tông, nên tuân thủ giáo pháp". Các quy ước phong tục không thấy có gì khác với các làng bên lương: cũng có vấn đề nộp cheo (điều 7: nộp một quan hai mạch, trâu cau 200 miếng, người xã khác gấp đôi; phạt phụ nữ gian dâm (điều 14 đã nói trên); chỗ ngồi cao thấp, bảo vệ mùa màng, không có gì trái với tục chung. Duy có hương ước phải xin giám mục phê duyệt (1), việc kết hôn phải do linh mục đại nhân bản quán trình xét, không có trở ngại gì mới cho nạp cheo (điều 7). Về việc tang ma thì "chiếu theo y như thể thức của thánh" và "tụng kinh thập tứ khổ đạo (14 đường khổ ải) hoặc kinh cầu hồn đều được" (điều 20). Việc biếu xén: "phạm việc công hay việc tư có sát sinh, thì cái thủ phải đem biếu bản xứ linh mục đường" (điều 25). Hương ước không thấy nhắc đến lý trưởng, hương chức, chỉ thấy có các danh hiệu: Khán hộ, thủ hộ và chủ viên huynh hạng, v.v...

Trở lên, tất nhiên là không thể ghi hết những thông tin cần thiết và chẳng việc sưu tầm hãy còn hạn chế. Xin tạm bằng lòng với đôi điều ghi nhận sơ bộ - chưa vội phân tích lý luận - để chờ đợi thêm nhiều phát hiện sau này.